

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kì thi
“Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài
Đợt 1, năm 2026, kì thi ngày 10-11/01/2026” tại Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 116/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 2135/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy trình tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Kế hoạch số 04/TB-ĐHSP ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – ĐHTN về việc tổ chức kì thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 1, năm 2026, kì thi ngày 10-11/01/2026.

Căn cứ Biên bản họp hội đồng ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc xét duyệt hồ sơ thi của người nước ngoài đăng kí dự thi kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 1, năm 2026, kì thi ngày 10-11/01/2026” tại Trường Đại học Sư phạm- Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Hợp tác quốc tế và đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 1, năm 2026, kì thi ngày 10-11/01/2026”. Cụ thể như sau:

- Tổng số ứng viên đăng kí tham gia kì thi: 111 ứng viên.
- Tổng số thí sinh đủ điều kiện tham gia kì thi: 111 thí sinh (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Hội đồng thi và các Ban giúp việc cho Hội đồng tổ chức kì thi “Đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, Đợt 1, năm 2026, kì thi ngày 10-11/01/2026” đối với 111 thí sinh đủ điều kiện tại Điều 1 theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Hợp tác quốc tế và Đào tạo, Bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài, Hội đồng thi, các Ban giúp việc cho Hội đồng và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *Chu*

- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, TT HTQT-ĐTTV (3).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Mai Xuân Trường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**DANH SÁCH THI SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ THI KÌ THI "ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC
TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
ĐỢT 1, NĂM 2026, KỲ THI NGÀY 10-11/01/2026"**

(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-ĐHSP ngày 05 tháng 01 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
1	261001	INTHILATH	ALISA	01/06/2007	Nữ	PA0405459	Lào
2	261002	LOUANGKING	ALISA	29/10/2006	Nữ	P2736561	Lào
3	261003	PHOMMACHANH	ALIYA	13/04/2008	Nữ	PA0431169	Lào
4	261004	INTHAPHONH	AMITA	15/12/2007	Nữ	PA0402748	Lào
5	261005	MANIVONG	ANOUPHONE	12/10/2007	Nữ	PA0436639	Lào
6	261006	KHUANGPASERT	AOMCHAI	17/07/2007	Nữ	PA0415731	Lào
7	261007	MANIVONG	ATHI	02/06/2008	Nam	PA0403751	Lào
8	261008	BOUNSAVATH	ATHIT	27/05/2007	Nam	PA0396928	Lào
9	261009	THAMMAVONG	AZI	26/12/2007	Nam	PA0434956	Lào
10	261010	KONGMANIPHONE	BOUASAVANH	12/09/2007	Nữ	P2415081	Lào
11	261011	BOUNMALAI	BOUNVILAI	03/03/2007	Nữ	PA0435532	Lào
12	261012	BOUTTALATH	CHANSOUK	18/06/2007	Nữ	PA0435364	Lào
13	261013	SOUTTHICHACK	CHEKKY	19/03/2008	Nam	P 2416789	Lào
14	261014	XAY OUDOM	CHINDAPHONE	03/03/2008	Nữ	PA0444987	Lào
15	261015	XAPHAJDY	CHITPASONG	09/12/2007	Nam	PA0435220	Lào
16	261016	KHAOSA ATH	DALALATH	30/09/2007	Nữ	PA0436496	Lào
17	261017	PHAYLOTH	ECKAPHANH	22/02/2007	Nam	PA0420418	Lào
18	261018	VILAYVONG	EKKASAY	25/05/2008	Nam	P2395595	Lào

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
19	261019	INTHAVONG	FASAY	01/01/2008	Nữ	PA0401792	Lào
20	261020	CHANTHAVONG	JAMETHANA	06/03/2006	Nam	PA0372555	Lào
21	261021	KHAMMAVONG	KHAMMIEW	20/01/2007	Nữ	PA0443010	Lào
22	261022	XAYYACHAK	KHAMPHOUSY	01/01/2008	Nữ	PA0418703	Lào
23	261023	XAIYASAN	KHANITSONE	02/10/2007	Nam	PA0391438	Lào
24	261024	KHOTPANYA	KHONGSATHONE	12/03/2007	Nam	PA0442182	Lào
25	261025	MIENGMANY	KHOUNMEE	06/11/2007	Nữ	PA0406365	Lào
26	261026	INTHICHAK	KHOUNTHAVY	17/09/2007	Nam	PA0401008	Lào
27	261027	XAIYATHAM	LAMPHAI	25/05/2008	Nữ	P2416347	Lào
28	261028	LUANGBANDITH	LATSAMEE	08/02/2007	Nữ	PA0429983	Lào
29	261029	CHANTHALATH	LEETHIDAVANH	10/06/2007	Nữ	PA0435348	Lào
30	261030	KHOUNNAKHANTY	LITSADA	30/03/2008	Nữ	PA0414321	Lào
31	261031	SENGKHAMYONG	LOUNGNAPHA	05/02/2007	Nữ	PA0433258	Lào
32	261032	KEOVISET	MALYXA	28/8/2007	Nữ	PA0435639	Lào
33	261033	PHONGSAVATH	MANIHAK	31/07/2008	Nữ	PA0426798	Lào
34	261034	XAYYATHAM	METMANY	26/09/2006	Nữ	PA0441309	Lào
35	261035	THIPPHAVONG	MIDTHIDA	02/05/2007	Nữ	PA0431672	Lào
36	261036	SOUVANNASO	MITHOUNA	25/06/2007	Nam	PA0441128	Lào
37	261037	LOPHENGSY	MIXAY	12/09/2006	Nam	P2382620	Lào
38	261038	XAYSONGKHAM	MOUKDA	03/12/2007	Nữ	PA0409893	Lào
39	261039	CHANTHAVONG	NALIN	03/01/2007	Nữ	PA0424405	Lào
40	261040	PHONGSAVANH	NAMTHIP	23/04/2008	Nữ	PA0421806	Lào

Com

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
41	261041	BOUDTAVONG	NAMWARN	25/10/2007	Nữ	PA0401303	Lào
42	261042	PHOUNPASEUTH	NAMWARN	15/05/2007	Nữ	P2537646	Lào
43	261043	SONGVILAY	NATTHAWOUD	27/12/2006	Nam	PA0401734	Lào
44	261044	KEOPHANOMEXAY	NEWVIA	03/03/2007	Nam	PA0372754	Lào
45	261045	XAYYASEANG	OUDOM	26/09/2007	Nam	PA0442135	Lào
46	261046	XAYASACK	PANYALATH	30/07/2007	Nam	PA0395837	Lào
47	261047	KEOMANIVONG	PHAVANNY	17/02/2007	Nữ	PA0391074	Lào
48	261048	SINGHALATH	PHAYNALIN	13/09/2007	Nữ	PA0424718	Lào
49	261049	SINGDAOVANH	PHET ALANYA	23/04/2007	Nữ	PA0407418	Lào
50	261050	CHIDTHAVONE	PHINPIPHAKSA	27/09/2007	Nữ	PA0442123	Lào
51	261051	FONGSAVANH	PHITSAMAI	11/07/2008	Nữ	PA0388408	Lào
52	261052	KHAMPHENGVILAY	PHONEVILAY	18/10/2008	Nữ	PA0405252	Lào
53	261053	KEOPASEUTH	PHOUNSOUK	06/10/2007	Nam	PA0402338	Lào
54	261054	PHIMMAVONGSA	PHOUNGEUN	17/02/2008	Nam	PA0413550	Lào
55	261055	KEOUDON	PHOUTAVANH	21/06/2007	Nam	PA0446096	Lào
56	261056	KOUNLAVONG	PHOUTDAVAN	10/10/2007	Nữ	PA0438317	Lào
57	261057	LATSAPHON	PHOUTSANA	21/11/2007	Nam	PA0436982	Lào
58	261058	XAPHOUVONG	PHOUTTHAPHONE	18/10/2006	Nam	PA0372941	Lào
59	261059	BOUNPANY	PHOUXAI	24/06/2007	Nam	PA0435986	Lào
60	261060	VINNAVONG	SAISA ATH	05/12/2007	Nữ	PA0445027	Lào
61	261061	VONGSALATH	SAISAKDA	08/03/2008	Nam	PA0445424	Lào
62	261062	KEOVANDY	SANTIPHAP	28/6/2005	Nam	P2382279	Lào

Qu

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
63	261063	SOMPHONENEUK	SANYAHAK	13/03/2007	Nam	PA0433529	Lào
64	261064	LORVANXAY	SENG ATHIT	14/01/2007	Nam	PA0436541	Lào
65	261065	VORACHIT	SENG ATHITH	14/12/2008	Nam	PA0419415	Lào
66	261066	KHOUNSAMNAN	SENGDAVANH	13/07/2007	Nữ	PA0430005	Lào
67	261067	KHAMSOMPHOU	SENGTAVAN	05/05/2008	Nữ	PA0437945	Lào
68	261068	PHAYPHOSY	SIMINO	19/09/2007	Nam	PA0419294	Lào
69	261069	VANNASIN	SINTHAVONG	19/02/2007	Nam	PA0403821	Lào
70	261070	SOUXANH	SINGTA	14/02/2007	Nam	PA0417993	Lào
71	261071	YOKHANTHONE	SIPASEUT	23/12/2006	Nam	PA0441753	Lào
72	261072	PHOMMANIVONG	SITNY	13/09/2008	Nữ	PA0420128	Lào
73	261073	BOUTHpanya	SOMXAY	13/08/2008	Nam	PA0444067	Lào
74	261074	CHANTHAVONGSAK	SOUKDAVONE	09/11/2007	Nữ	PA0385432	Lào
75	261075	LABANDITH	SOUKSAKHONE	14/05/2007	Nam	PA0406843	Lào
76	261076	OLIYAVONG	SOUKSAKHONE	22/12/2007	Nữ	P2905403	Lào
77	261077	MIPHOMVONG	SOUKSAVANH	06/06/2008	Nam	PA0435633	Lào
78	261078	SILIMANOTHAM	SOULIVANH	26/02/2007	Nam	PA0440972	Lào
79	261079	NANTHAVONG	SOULIXAY	14/07/2008	Nam	P2700400	Lào
80	261080	PHANVATVONGSOUK	SOULIYA	22/12/2006	Nam	PA0372776	Lào
81	261081	SYLIPHONE	SOUPHALUK	23/11/2007	Nam	PA0407357	Lào
82	261082	AE SAPHAPHON	SOUPHANNY	23/08/2007	Nữ	PA0410322	Lào
83	261083	SISONGKHAM	SOUTTHIDA	29/01/2007	Nữ	P3057580	Lào
84	261084	LATVONGSA	SOUTHANA	19/12/2007	Nam	PA0400390	Lào

Handwritten signature

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
85	261085	SEDADOUANGLEUTH	SUKSAN	07/12/2007	Nam	PA0412995	Lào
86	261086	XAYYASEN	SUTHAPHON	13/04/2008	Nam	PA0436207	Lào
87	261087	SYVONGKHAM	TANOUN	09/01/2008	Nữ	P2416796	Lào
88	261088	PHOTHIDA	TOUNY	24/05/2008	Nữ	PA0426465	Lào
89	261089	KEOPHOMMA	THANANDONE	03/09/2008	Nam	PA0397123	Lào
90	261090	LOTKAENSY	THANAPHON	26/06/2007	Nam	PA0435730	Lào
91	261091	PHOSAY	THANOUSAY	16/09/2007	Nam	PA0388421	Lào
92	261092	XAYASOUK	THANOUSONE	09/07/2008	Nam	PA0433254	Lào
93	261093	VANGMALATH	THAVIPHONE	22/02/2006	Nam	PA0372892	Lào
94	261094	SOUVANNARATH	THEPPHAVANH	04/07/2008	Nữ	PA0435414	Lào
95	261095	KENPHIM	THEPPHAHAK	09/07/2006	Nam	P2382313	Lào
96	261096	LIENPADITH	THEPSOUDA	16/05/2008	Nữ	PA0414167	Lào
97	261097	INTHAVONG	THEVALIN	04/12/2007	Nam	PA0398318	Lào
98	261098	SITTHICHANH	THIDAPHONE	16/10/2007	Nữ	PA0408407	Lào
99	261099	LOUANTHAMMAKHAN	THIPPHAKONE	15/09/2007	Nữ	PA0435292	Lào
100	261100	KEODOUANGSIN	THIPPHAPHONE	18/11/2007	Nữ	PA0428634	Lào
101	261101	SENKEYAVONG	THIPPHAPHONE	30/12/2007	Nữ	PA0420129	Lào
102	261102	VANHEUANG	VANNIDA	23/05/2007	Nữ	PA0400829	Lào
103	261103	HANXANA	VILAIVANH	25/06/2008	Nữ	PA0435740	Lào
104	261104	SENGSALICHAN	VILAPHONE	31/03/2007	Nữ	PA0402672	Lào
105	261105	SYKHOUNNALATH	VILUDDA	26/12/2007	Nữ	PA0403074	Lào
106	261106	KEOMANY	VISANOU	20/06/2007	Nam	PA0417998	Lào

Qu

TT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Số hộ chiếu	Quốc tịch
107	261107	PHOMMALA	VITHAYASONE	10/04/2007	Nam	PA0438350	Lào
108	261108	HEUANGMANYPHAN	XAYBOUNMY	20/09/2007	Nam	PA0404705	Lào
109	261109	BOUNLIVONG	XAYNAKHONE	08/08/2007	Nam	PA0404207	Lào
110	261110	PHOUTTHAVONGSY	XAYYABOUD	27/02/2007	Nam	PA0432426	Lào
111	261111	BOUNXOTH	XOKXAY	01/02/2006	Nam	PA0372797	Lào

Danh sách gồm 111 thí sinh./ 